

HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG

VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

DƯƠNG PHÚ HIỆP (*)

Trong bài viết này, tác giả đã trình bày một cách khái lược quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời, nêu ra một số ưu điểm và nhược điểm trong sự vận dụng học thuyết Mác – Lênin về thời kỳ quá độ của Đảng ở nước ta trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, tác giả kiến nghị: 1/ Cần phải có một cách tiếp cận mới về thời kỳ quá độ; 2/ Đổi tên gọi thời kỳ quá độ thành thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; 3/ Xác định một số nội dung cơ bản của thời kỳ phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*, C.Mác đã đưa ra một định nghĩa kinh điển về thời kỳ quá độ: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó nhà nước không thể là cái gì khác hơn là *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”. Ở đây có ba nội dung được C.Mác nhấn mạnh là thời kỳ quá độ chính trị, chuyên chính vô sản và cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia.

V.I.Lênin đã phát triển tư tưởng của C.Mác về thời kỳ quá độ và là người đầu tiên dùng khái niệm “thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”. Do tính chất lâu dài của nó nên phải phân chia thời kỳ quá độ thành những bước quá độ nhỏ hơn. Nếu C.Mác nói đến thời kỳ quá độ chính trị, thì V.I.Lênin bổ sung nội dung kinh tế, tức là nói đến nền

kinh tế nhiều thành phần và đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa để giải quyết vấn đề “ai thắng ai”.

Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mátxcova năm 1957 đã rút ra 9 quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ. 9 quy luật đó cũng chính là nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà tất cả các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa phải thực hiện.

Những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin về thời kỳ quá độ và 9 quy luật do Hội nghị ở Mátxcova năm 1957 đã rút ra được Đảng ta vận dụng vào Việt Nam và được thể hiện rõ trong văn kiện các Đại hội III, IV và V.

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin không những nói về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mà còn dự báo khả năng bỏ qua chủ nghĩa tư bản đối với một số nước trong những điều kiện nhất định. Sách báo mácxít đã khái quát tư tưởng đó thành ba điều kiện là:

(1) Khi trên thế giới phương thức sản xuất bị bỏ qua đã tỏ ra lỗi thời, thối nát.

(2) Khi trên thế giới đã xuất hiện phương thức sản xuất mới, cao hơn, ưu việt hơn.

(3) Khi trong nước đã xuất hiện giai cấp tiên tiến có khả năng lãnh đạo cuộc cách mạng, tiến lên một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

Phân tích những điều kiện trên, chúng ta thấy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mặc dù trên con đường phát triển gặp nhiều khó khăn, nhưng chưa phải là phương thức sản xuất đã lỗi thời, thối nát, thậm chí do lợi dụng được các thành tựu của cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, nó tỏ ra vẫn còn sức sống. Còn phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa thì sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, người ta hầu như không nói đến tính ưu việt của phương thức sản xuất đó so với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nữa.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin bàn nhiều về sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, còn sự quá độ bỏ qua chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội, các ông mới chỉ nói đến khả năng thực hiện chứ chưa nêu ra cách thức thực hiện. Trong một thời gian dài, trên sách báo mácxít hầu như không có

sự phân biệt các kiểu quá độ khác nhau lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó gây nên lầm tưởng rằng bất kỳ nước nào tiến lên chủ nghĩa xã hội, dù xuất phát từ trình độ như thế nào, cũng đều thuộc về cùng một kiểu quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Cho đến nay, vẫn còn có ý kiến cho rằng sự quá độ của những nước có nền kinh tế kém phát triển bỏ qua chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải là một kiểu nào khác, mà chỉ là một dạng đặc biệt của kiểu quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Quan niệm như vậy có thể dẫn đến tình trạng dễ thỏa mãn với lý luận về thời kỳ quá độ, vận dụng máy móc lý luận về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội vào các nước có nền kinh tế kém phát triển, bất chấp những điều kiện lịch sử cụ thể của các nước đó.

Trong quá trình đổi mới đã xuất hiện xu hướng muốn đi tìm lý thuyết mới nói về sự quá độ gián tiếp, nhưng thực ra chưa tìm được lý thuyết đó. Nếu chúng ta tiếp tục sử dụng lý thuyết về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh nước ta - một nước bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội - thì chúng ta sẽ tiếp tục mắc sai lầm không thể tránh khỏi. Điều quan trọng để xây dựng lý thuyết về kiểu quá độ gián tiếp là phải hiểu đặc điểm xuất phát vì chính đặc điểm này quy định kiểu quá độ gián tiếp, mà nội dung, nhiệm vụ, hình thức, biện pháp, bước đi và độ dài của nó khác về nguyên tắc với kiểu quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Trước đây, Việt Nam đã áp dụng máy

móc mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết, cụ thể là đã áp dụng những kinh nghiệm của Liên Xô được khái quát thành 9 quy luật của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ được Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mátxcova thông qua năm 1957. Về sau, Việt Nam có bổ sung thêm một quy luật nữa là tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Mặc dù chúng ta cũng đạt được những thành tựu nhất định trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng do áp dụng máy móc mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết vào Việt Nam mà nội dung của nó là không thừa nhận sản xuất hàng hoá và cơ chế thị trường, coi kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế xã hội chủ nghĩa, coi thị trường chỉ là một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch nên đã không thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, coi kinh tế quốc doanh và tập thể là chủ yếu, muốn nhanh chóng xoá bỏ sở hữu tư nhân; xây dựng nền kinh tế khép kín, hướng nội, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn ngoại viện của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước. Thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân, cào bằng, ít quan tâm tới lợi ích cá nhân. Nhà nước thực hiện chế độ bao cấp tràn lan tạo ra tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước, không phát huy được tính năng động và tích cực của người lao động. Gắn liền với sai lầm áp dụng máy móc chủ nghĩa xã hội Xô viết vào Việt Nam là những khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý. Đó là những sai lầm

nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, đặc biệt là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan.

Hiện nay chúng ta ít nhắc đến 9 quy luật của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, đặc biệt là không còn dùng khái niệm chuyên chính vô sản, cải tạo xã hội chủ nghĩa... Khi Đại hội VI của Đảng rút ra bài học phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan thì không phải là nói về việc tôn trọng và hành động theo 9 quy luật này hay các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, mà là nói tới những quy luật của sản xuất hàng hoá, như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... Chúng ta cũng không quá nhấn mạnh giai cấp và đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mà nhấn mạnh tới đại đoàn kết dân tộc và coi đó là động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Vấn đề làm chủ tập thể mà Đại hội IV của Đảng nêu lên và trở thành một nội dung quan trọng trong đường lối của Đảng ta thì hiện nay cũng ít được nhắc tới. Vì vậy, nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã nêu ra ở các Đại hội III, IV, V cho đến nay có nhiều điểm không còn thích hợp nữa, chẳng hạn như các khái niệm chuyên chính vô sản, làm chủ tập thể, cải tạo xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thắng ai”... Điều đó đòi hỏi chúng ta phải xem lại nội dung của thời kỳ quá độ và phải tìm nội dung mới thích hợp.

Từ sự phân tích trên đây, có thể rút ra một số nhận xét về sự vận dụng học thuyết Mác – Lênin về thời kỳ quá độ của Đảng ta như sau:

a. Những ưu điểm thể hiện ở 4 điểm:

Thứ nhất, trong khi vận dụng lý thuyết về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Đảng ta đã cố gắng vận dụng sáng tạo vào Việt Nam, thậm chí mạnh dạn bổ sung thêm quy luật công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, Đảng ta rất chú ý đến đặc điểm xuất phát của đất nước để từ đó định ra đường lối, chính sách. Điều đó được thể hiện ở các Đại hội II, III, IV và VII.

Thứ ba, khi quyết định lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa Đảng ta đã thể hiện tinh thần cách mạng tiến công. Điều này thể hiện ở các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Đại hội III, Đại hội IV.

Thứ tư, Đảng ta đã nhận thấy thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là thời kỳ quá độ lâu dài và do đó, đã nói tới các chặng đường mà nước ta phải trải qua.

b. Những hạn chế cũng thể hiện ở 4 điểm:

Thứ nhất, lẽ ra chúng ta phải xây dựng lý thuyết về kiểu quá độ gián tiếp thì chúng ta lại đem áp dụng máy móc, giáo điều lý thuyết về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, do vận dụng máy móc lý thuyết kinh điển và kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước nên chúng ta đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ồ ạt và tiến hành đấu tranh giai cấp, đấu

tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thắng ai”, tuy không gay gắt, nhưng cũng không tìm được động lực phát triển.

Thứ ba, mặc dù Đảng ta đã nhận thấy thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là lâu dài, nhưng do bệnh chủ quan, duy ý chí, nên nhiều chủ trương, chính sách đã tỏ ra nóng vội, muốn “đốt cháy giai đoạn”, nên kết quả nhận được không như mong muốn.

Thứ tư, cả một thời gian dài chúng ta không hiểu đúng khái niệm bỏ qua chủ nghĩa tư bản, nên đã rơi vào chủ nghĩa biệt phái, chủ nghĩa hư vô, phủ định sạch trơn những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, mãi đến Đại hội IX chúng ta mới khắc phục được hạn chế này.

Kết luận và kiến nghị

1. Sự cần thiết phải có cách tiếp cận khác về thời kỳ quá độ

Nếu thực tế đã có nhiều thay đổi về chất thì một khái niệm nào đó cũng cần thay đổi cho phù hợp. Từ mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung, quan liêu, bao cấp, áp dụng 9 quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ chúng ta đã chuyển sang một mô hình mới khác về chất so với mô hình trước. Trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, Việt Nam đã phát triển theo những quy luật khác phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và xu thế chung của thế giới. Trong các văn kiện của Đảng ta không còn nhắc đến 9 quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ mà Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân hợp ở Mátxcơva năm 1957 thông qua vì chúng không còn thích

hợp trong điều kiện mới nữa. Ngay cả học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội khi được áp dụng máy móc vào nước ta trong thời kỳ trước đây đã đưa nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, hướng hồ hiện nay tình hình nước ta và thế giới đã thay đổi thì chúng ta lại càng không nên áp dụng học thuyết đó, mà phải xây dựng một lý thuyết khác thích hợp hơn. Trung Quốc đã mắc nhiều sai lầm trong việc áp dụng học thuyết về thời kỳ quá độ và 9 quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ như: cải tạo xã hội chủ nghĩa ồ ạt, xây dựng nhanh chóng công xã nhân dân, cường điệu đấu tranh giai cấp..., kết quả là xã hội Trung Quốc rơi vào một thời kỳ hỗn loạn nghiêm trọng. Do đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã sớm từ bỏ khái niệm “thời kỳ quá độ” và thay vào đó một khái niệm mới là “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội”. Từ những bài học kinh nghiệm nói trên, chúng ta cũng nên mạnh dạn đưa ra một cách tiếp cận khác về thời kỳ quá độ.

2. Đổi tên gọi thời kỳ quá độ thành thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã có nhiều đổi mới từ lý luận đến thực tiễn, từ đường lối, chính sách đến đời sống thực tế theo chiều hướng tích cực, tiến bộ và phát triển. Những thay đổi đó không phải do Việt Nam áp dụng lý thuyết về thời kỳ quá độ hay 9 quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà trên phương diện lý luận chúng ta đã dần từ bỏ lý thuyết đó, chẳng hạn chúng ta không còn dùng các

khái niệm của học thuyết đó, như “cải tạo xã hội chủ nghĩa”, “chuyên chính vô sản”, “đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thắng ai”... Khi chúng ta không dùng các khái niệm nói trên, tức là chúng ta đã không vận dụng những nội dung chủ yếu của thời kỳ quá độ nữa thì tại sao ta vẫn phải sử dụng khái niệm “thời kỳ quá độ”, có thể mạnh dạn thay nó bằng một khái niệm khác được không?

Hội nghị Trung ương 6 khoá VI đã đưa ra khái niệm mới “định hướng xã hội chủ nghĩa”, từ đó về sau trên các văn kiện Đảng và Nhà nước ta, cũng như trên các sách báo, tài liệu của Việt Nam, đều sử dụng khái niệm đó. Vì vậy, chúng ta có thể mạnh dạn thay khái niệm “thời kỳ quá độ” bằng tên gọi mới là “thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Điều đó, *một mặt*, phù hợp với thực tiễn hiện nay của chúng ta. *Mặt khác*, khi chúng ta dùng cụm từ “thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” thì có ưu điểm là vẫn đảm bảo mục tiêu mà trước nay ta vẫn theo đuổi là chủ nghĩa xã hội, đồng thời tránh được tâm lý lo sợ về các nội dung mà ta đã tiến hành trong thời kỳ quá độ, như cải tạo xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề “ai thắng ai”... Vì vậy, dùng khái niệm “thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” là hoàn toàn phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam hiện nay.

3. Về nội dung của thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Nếu trước đây một trong những nội dung quan trọng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tiến hành cải tạo xã

hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân, thiết lập chế độ công hữu dưới hai hình thức nhà nước và tập thể, thì trong thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nội dung quan trọng của nó là phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài. Nếu thời kỳ trước đây xã hội phát triển theo mô hình xã hội chủ nghĩa Xô viết là tập trung quan liêu, bao cấp, thì trong thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Nếu trong thời kỳ quá độ chúng ta thực hiện chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa theo lao động mà thực chất là bình quân và cào bằng, thì trong thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Nếu trong thời kỳ quá độ trước đây xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản thì trong thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Nếu trong thời kỳ quá độ trước đây đấu tranh giai cấp và đấu tranh để giải quyết vấn đề “ai thắng ai”

giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã được cường điệu và được coi là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội, nên nhiều cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra liên tục, nhiều khi gay go, ác liệt, gây nên bao khó khăn, trở ngại cho sự phát triển, thì trong thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta coi động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân. Nếu trong thời kỳ quá độ trước đây ta coi thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản và hợp tác, đoàn kết chủ yếu là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, thì trong thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa Đảng ta chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, Việt Nam là bạn là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Như vậy, những nhiệm vụ và nội dung của thời kỳ quá độ trước đây đã được thay đổi rất nhiều, vì thế không nên luyến tiếc giữ lại tên cũ nữa mà nên mạnh dạn đặt ra một tên mới phù hợp hơn. Tên mới đó là: *“Thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”*. Lúc đầu tên đó có thể chưa quen, nhưng dùng rồi sẽ quen, song điều quan trọng không chỉ là đổi tên gọi, mà quan trọng là chúng ta đã có nội dung mới cho tên gọi đó. Nếu còn tiếp tục sử dụng khái niệm “thời kỳ quá độ”, chúng ta sẽ gặp lúng túng cả về nhận thức lý luận và về chỉ đạo thực tiễn. Vì vậy, xin kiến nghị với Đảng nên đổi tên Cương lĩnh năm 1991 thành *“Cương lĩnh phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”*. □